

Số: 33/2022/QĐST-DS

*Ia Grai, ngày 24 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn I, huyện I, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Chu Văn H và bà Mai Thị Thanh H; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và phương thức thanh toán: Tính đến ngày hòa giải (16/8/2022) ông Chu Văn H và bà Mai Thị Thanh H thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông Chu Văn H và bà Mai Thị Thanh H đồng ý thanh toán số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho bà Phạm Thị H 05 lần vào thời gian cụ thể như sau:

Ngày 17/10/2022, ông H và bà H thanh toán cho bà H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngày 17/4/2023, ông H và bà H thanh toán cho bà H số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 17/10/2023, ông H và bà H thanh toán cho bà H số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 17/4/2024, ông H và bà H thanh toán cho bà H số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 17/10/2024, ông H và bà H thanh toán cho bà H số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí: Ông Chu Văn H và bà Mai Thị Thanh H chịu 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà Phạm Thị H chịu 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0008570 ngày 26/5/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THSDS huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Vũ**